

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **143**/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/8/2022

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh

Bà Dương Thị Kim Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Bà Bùi Thị Hậu -  
Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 100/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 128/2022/QĐ-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022, giữa:

**- Nguyên đơn:** Ông Vũ Ngọc S, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn TK Hạ (nay là Tân Hợp), xã PhK, huyện TK, tỉnh Hải Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**- Bị đơn:** Bà Phú Thị Nh, sinh năm 1972

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn TK Hạ (nay là Tân Hợp), xã PhK, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Đài Loan (vắng mặt).

**- Người làm chứng:**

1. Chị Vũ Thị X, sinh năm 1991.

2. Chị Vũ Thị O, sinh năm 1997.

3. **Bà** Phú Thị Nh1, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn Tân Hợp, xã PhK, huyện TK, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Vũ Ngọc S trình bày:*

- Về quan hệ vợ chồng: Ông và bà Phú Thị Nh được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PhK, huyện TK, tỉnh Hải Dương vào ngày 24/11/1990. Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc đến năm 2004 thì thống nhất để bà Nh sang Đài Loan xuất khẩu lao động. Năm 2007, bà Nh về nước và muốn gia hạn thêm hợp đồng, ông chỉ nhất trí để bà Nh đi thêm 1 năm thì về nhưng bà Nh đi thêm 4 năm nữa vẫn không chịu về nước và thách thức ông làm đơn ly hôn. Năm 2015, bà Nh về nước khoảng 1 năm, đến năm 2016 lại tự ý tiếp tục làm thủ tục sang Đài Loan mà không được sự nhất trí của ông, trước khi đi bà Nh giấu toàn bộ giấy tờ nhà đất của ông. Kể từ khi bà Nh đi đến nay 4 năm đầu có gửi tiền về, sau đó không gửi tiền về cho ông chăm lo gia đình nữa, không quan tâm gì đến ông, chỉ gửi tiền cho riêng các con, bỏ mặc ông tự trang trải lo cho các con ăn học, lấy chồng, xây sửa nhà cửa... Ông cũng đã tìm cách liên hệ để nói chuyện với bà Nh để cải thiện tình trạng mâu thuẫn vợ chồng nhưng vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bà Nh vẫn liên tục thách thức ông lấy vợ mới, khi ông làm thủ tục ly hôn thì bà Nh lại cố tình không hợp tác. Vợ chồng ông bà sống ly thân kể từ đó đến nay, không còn quan tâm hay liên lạc gì với nhau. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nh.

- Về con chung: Ông và bà Nh có ba con chung là Vũ Thị X, sinh ngày 02/6/1991, Vũ Thị O, sinh ngày 11/7/1997 và Vũ Thị A, sinh ngày 18/11/1999. Hiện các con đều đã trưởng thành, khỏe mạnh, phát triển bình thường và tự chăm lo được cho bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án do ông S không cung cấp được địa chỉ của bà Nh tại Đài Loan nên Tòa án đã xác minh qua gia đình bà Nh, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của bà Nh. Chị Vũ Thị X là con gái bà Nh xác định: Bà Nh hiện làm việc và sinh sống tại Đài Loan nhưng chị không biết địa chỉ cụ thể của bà Nh nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên, bà Nh thường xuyên liên lạc về gia đình. Quá trình Tòa án làm việc với chị X, bà Nh có điện về trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của ông S trước sự chứng kiến của chị X như sau: Bà hiện đang làm ăn, sinh sống tại Đài Loan, bà tiếp tục đề nghị chị X nhận thay bà các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo lại cho bà. Về thời điểm kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng và con chung như ông S trình bày là đúng. Năm 2004, bà sang Đài Loan xuất khẩu lao động cứ 03 năm

bà lại về một lần. Lần cuối cùng bà sang Đài Loan là năm 2015, kể từ đó đến nay vì tình hình dịch bệnh phức tạp nên bà chưa về nước được. Quá trình bà làm ăn ở nước ngoài, ông S làm ăn thua lỗ và có quan hệ ngoài luồng với rất nhiều người phụ nữ khác. Bà và ông S không còn liên lạc với nhau từ lâu vì bà điện về nhưng ông S không nghe máy. Mặc dù, ông S có sai trái nhưng bà vẫn tha thứ cho ông S. Nay ông S có đơn xin ly hôn bà không đồng ý. Trường hợp ông S kiên quyết xin ly hôn bà không nhất trí vì bà, ông S đã chung sống với nhau hơn 25 năm và có 03 người con gái, các con đều đã lớn, bà và ông S đã lên chức ông bà ngoại. Bà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Về tài sản chung, ông bà có tài sản chung nhưng không đề nghị giải quyết vì bà chưa đồng ý ly hôn.

Ngày 28/7/2022, Tòa án nhận được đơn đề nghị về việc phân chia tài sản ly hôn giữa ông S và bà Nh do chị X viết thay bà Nh (đơn không có chữ ký của chị X). Theo đơn bà Nh xác định: bà và ông S có tài sản chung bao gồm: 2 suất ruộng của bố mẹ chồng và bố mẹ đẻ của bà Nh cho; 1 sào rươi đất ở do bố mẹ chồng tặng cho cả hai vợ chồng và ông bà đã xây dựng được căn nhà 2 gian đồ mái bằng tại thôn Tân Hợp, xã PhK, huyện TK, tỉnh Hải Dương; 1,4 ha đất trồng cây làm nhà ở và 3,8 ha đất trồng thông lấy nhựa tại xã Cẩm Lý, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang; 1 lô đất mặt đường 109m<sup>2</sup> tại thôn Thượng 2, phường Trảng An, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Bà có nguyện vọng chia thành 5 phần bằng nhau cho cả vợ chồng và các con hoặc chia làm 3 phần cho các con 1 phần, bà và ông S mỗi người 1 phần theo quy định pháp luật.

\* Người làm chứng: Chị Vũ Thị X xác định tại buổi làm việc với Tòa án, bà Nh có điện về trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của ông S. Chị có chứng kiến và xác định các nội dung bà Nh trình bày với Tòa án, đồng thời chị đã thông báo cho bà Nh các mốc thời gian Tòa án tiến hành làm việc. Chị thay mặt bà Nh viết đơn trình bày quan điểm của bà Nh gửi Tòa án. Theo đó bà Nh xác định không đồng ý ly hôn với ông S, trường hợp ông S kiên quyết xin ly hôn, bà Nh đề nghị giải quyết cả về tài sản trong vụ án này. Chị X xác định bà Nh hiện đang làm việc tại Đài Loan nhưng chị không cung cấp được địa chỉ của bà Nh. Chị nhất trí tiếp tục nhận thay các văn bản tố tụng Tòa án gửi và thông báo cho bà Nh.

Ông S có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Nh và những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: Về quan hệ vợ chồng: Xử cho ông Vũ Ngọc S được ly hôn bà Phú Thị Nh; Về án phí: Ông S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng:

Ông Vũ Ngọc S có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa ông với bà Phú Thị Nh. Bà Nh hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông S không cung cấp được địa chỉ của bà Nh tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu ông S và gia đình bà Nh cung cấp địa chỉ nhưng ông S và gia đình bà Nh đều không cung cấp được. Quá trình giải quyết vụ án, bà Nh đã điện qua mạng xã hội xác định hiện bà đang làm việc tại Đài Loan nhưng không cung cấp được địa chỉ cho Tòa án. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa ông S có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Nh và những người làm chứng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông S, bà Nh và những người làm chứng.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Ngọc S và bà Phú Thị Nh được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PhK, huyện TK, tỉnh Hải Dương vào ngày 24/11/1990 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, năm 2004 ông S và bà Nh thống nhất để bà Nh đi lao động tại Đài Loan. Hết hạn hợp đồng bà Nh không về nước và tiếp tục lao động tại Đài Loan, ông S không nhất trí. Do

đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, từ năm 2015 đến nay vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Nay ông S xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nh. Bà Nh có quan điểm không nhất trí ly hôn theo yêu cầu của ông S, tuy nhiên không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy thực tế **ông S** và bà Nh không chung sống cùng nhau từ nhiều năm và không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn của ông S và bà Nh đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc ông S xin ly hôn bà Nh là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Ông S và bà Nh có ba con chung đều đã trưởng thành, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông S xác định vợ chồng không có tài sản chung **và không đề nghị** Tòa án giải quyết. Bà Nh xác định vợ chồng ông bà có tài sản chung và đề nghị Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, đơn khởi kiện của bà Nh chưa ký tên và thiếu các tài liệu, chứng cứ kèm theo để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Sau khi nhận được đơn của bà Nh, theo quy định tại điểm a khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 189 Bộ Luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã có thông báo yêu cầu bà Nh sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện (thông báo đã được gửi cho chị X để chị X thông báo cho bà Nh). Hết thời hạn Tòa án ấn định bà Nh không sửa chữa đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Nếu sau này các đương sự có đề nghị giải quyết về tài sản sẽ được xem xét tại vụ án khác theo quy định của pháp luật

[3]. Về án phí: Ông S phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

*Vì những lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 229, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho ông Vũ Ngọc S được ly hôn bà Phú Thị Nh.

[2]. Về án phí: Ông Vũ Ngọc S phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông S đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000057 ngày 18/4/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (Ông S đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí).

[3]. Về quyền kháng cáo: Ông Vũ Ngọc S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bà Phú Thị Nh vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã PhK, huyện TK, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Mai Hoa**